TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2018/HNGĐ-ST Ngày: 16-01-2018 V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN SƠN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Hồng Việt;

Ông Phạm Văn Sử.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trung Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 285/2017/TLST-HNGĐ, ngày 28/11/2017 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02/01/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Thôn Đ D, xã X V, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. - *Bị đơn:* Anh **Tô Xuân B**, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Thôn Đ D, xã X V, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Chị H có mặt, anh B có đơn xin giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời trình bày trong phiên hoà giải chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Tô Xuân B quen biết, tự do tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991. Chị và anh B được hai bên gia đình cưới hỏi theo phong tục địa phương trước sự chứng kiến của hai bên gia đình, anh em, họ hàng. Sau khi cưới chị và anh B làm ăn, sinh sống tại thôn Đ D, xã X V, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Cuộc sống của anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2015 chị đã làm đơn gửi Toà án nhưng anh B xin chị rút đơn để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, chị nhất trí rút đơn. Nhưng mâu thuẫn của anh, chị vẫn không cải thiện được, ngày càng trầm trọng. Chị xác định không còn tình cảm với anh Tô Xuân B. Đến tháng 11/2017 chị H nộp đơn khởi kiện xin công nhận không là vợ chồng với anh Tô Xuân B.

Về con chung: Chị và anh anh Tô Xuân B có 03 con chung là:

- Cháu Tô Thị H, sinh ngày 12/4/1992;

- Cháu Tô Văn T, sinh ngày 08/9/1993;

- Cháu Tô Thị Q, sinh ngày 13/12/1995.

Cả 03 cháu đều đã trưởng thành, chị và anh Tô Xuân B không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị và anh Tô Xuân B không yêu cầu Toà án giải quyết. Chị và anh Tô Xuân B không vay nợ chung của ai.

Qúa trình giải quyết vụ án tại bản tự khai anh Tô Xuân B trình bày về quen biết, chung sống cùng chị H đúng như chị H trình bày. Quá trình chung sống anh, chị thường xuyên mâu thuẫn do tính tình không hợp, không tôn trọng nhau. Anh thấy tình cảm giữa anh và chị H không còn, anh nhất trí với đề nghị của chị H.

Về con chung: Anh và chị H có 03 con chung. Các con đều đã trưởng thành, không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh và chị H không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung; Anh và chị H không vay nợ chung của ai.

Kết quả xác minh:

Ông Nguyễn Quốc Th – Phó Trưởng thôn Đ D, xã X Vcho biết: Chị H và anh B chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống anh chị có 03 con chung, các con của anh chị đều đã trưởng thành, chị H và anh B tự phân chia tài sản chung có sự tham gia chứng kiến của thôn. Chị H, anh B có vay nợ gì chung thì ông không rõ.

Tại phiên toà chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tống đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị xử tuyên bố không công nhận chị Trần Thị H và anh Tô Xuân B là vợ chồng. Về con chung: Chị H, anh B có 03 con chung, nhưng các con đều đến tuổi trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng, không đề nghị Toà án giải quyết.

Chị Trần Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Tòa án nhận định:

(1) Chị Trần Thị H và anh Tô Xuân B cùng đăng ký nhân khẩu thường trú tại thôn Đ D, xã X V, huyện YS, tỉnh Tuyên Quang. Chị H có đơn khởi kiện về việc xin không công nhận là vợ chồng với anh Tô Xuân B. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 BLTTDS.

(2) Vụ án đươc Toà án hoà giải nhưng không thành. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử. Anh Tô Xuân B xin giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 228 BLTTDS, Toà án xét xử vụ án.

(3) Chị Trần Thị H và anh Tô Xuân B chung sống với nhau như vợ chồng, không có đăng ký kết hôn từ năm 1991. Anh chị đã xảy ra mâu thuẫn từ lâu. Hiện nay đã sống ly thân. Chị H đề nghị không công nhận là vợ chồng. Theo quy định của khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình thì chị H, anh B không phải là vợ chồng. Hội đồng xét xử tuyên bố chị Trần Thị H và anh Tô Xuân B không phải là vợ chồng là có căn cứ.

(4) Con chung: Chị Trần Thị H và anh anh Tô Xuân B có 03 con chung:

- Cháu Tô Thị H, sinh ngày 12/4/1992;
- Cháu Tô Văn T, sinh ngày 08/9/1993;
- Cháu Tô Thị Q, sinh ngày 13/12/1995.

Cả 03 cháu đều đã trưởng thành và đã xây dựng gia đình riêng, chị H và anh B không yêu cầu Toà án giải quyết.

(5) Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định của Điều 147 BLTTDS và theo quy định của khoản 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp, anh B không phải nộp án phí sơ thẩm ly hôn.

(6) Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 266 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H không công nhận chị Trần Thị H và anh Tô Xuân B là vợ chồng.

1. Tuyên xử: Không công nhận chị Trần Thị H và anh Tô Xuân B là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0004453, ngày 23/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

3. Chị Trần Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Tô Xuân B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND huyện YS;
- UBND xã XV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Anh Thành

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hồng Việt **Phạm Văn Sử** **Phan Anh Thành**